

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30/9/2020

V/v: "tranh chấp

Hôn nhân và gia đình".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- *Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Sửu

2. Ông Đào Xuân Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, Bắc Giang.

- *Đại diện VKSND huyện Tân Yên, Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bộ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/7/2020 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị Th, sinh năm 1982

Nơi cư trú: thôn T1, xã X, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. (đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1979

Nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Tại đơn xin ly hôn, các lời khai, nguyên đơn là chị Trần Thị Th trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị tự nguyện kết hôn với anh Nguyễn Văn Nh năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Yên

Thế. Sau khi kết hôn, chị chung sống cùng anh Nh. Tình cảm vợ chồng hoà thuận đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm mọi mặt. anh chị đã sống ly thân từ năm 2004 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu ly hôn anh Nh.

- Về con chung: Chị và anh Nh có một con chung là Nguyễn Văn K, sinh ngày 12/12/2002. Hiện nay cháu đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu, chị không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị không yêu cầu giải quyết.

Do bận công việc nên chị đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên toà, chị Th vắng mặt.

* *Đối với anh Nguyễn Văn Nh là bị đơn trong vụ án*, qua xác minh người thân và chính quyền địa phương được biết anh Nh đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã H. Anh là chủ hộ và là thành viên duy nhất trong hộ gia đình. Hiện nay anh Nh đang làm việc ở thành phố Bắc Giang, vẫn về địa phương thăm nhà. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Nh biết nhưng trong các buổi hòa giải, làm việc tại Tòa án, anh Nh đều vắng mặt và Tòa án cũng không thu thập được ý kiến của anh Nh.

Tại phiên tòa, anh Nh vắng mặt.

* *Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến* về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho chị Th ly hôn anh Nh. Giao con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: chị Th nộp đơn yêu cầu ly hôn anh Nh, cư trú tại thôn T, xã H, huyện Tân Yên. Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý giải quyết vụ án “tranh chấp hôn nhân và gia đình” là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, chị Th vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Nh đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Th đối với anh Nh:

Chị Th và anh Nh kết hôn năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Yên Thế nên hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hoà thuận từ năm 2002 đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm mọi mặt. Anh chị đã ly thân từ năm 2004 đến nay. Nay chị Th xác định không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu ly hôn anh Nh. HĐXX thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th đối với anh Nh.

[4] Về con chung: Chị Th và anh Nh có một con chung là Nguyễn Văn K, sinh ngày 12/12/2002. Hiện nay cháu K đang ở cùng chị Th. Khi ly hôn, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu. HĐXX thấy, cháu K đang ở cùng chị Th, cháu có nguyện vọng tiếp tục ở cùng chị. Chị Th có cửa hàng bán giải khát, thu nhập đủ để nuôi dưỡng cháu K. Anh Nh không có ý kiến thể hiện quan điểm về việc nuôi con nên HĐXX giao cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng cháu K là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Th không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: chị Th và anh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: chị Th phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Văn Nh.

2. Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 12/12/2002 cho chị Trần Thị Th tiếp tục nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

- Sau khi ly hôn, anh Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh Nh thực hiện quyền, nghĩa vụ này.

3. Về tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: chị Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2018/0006417 ngày 10/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Th đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Th, anh Nh vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS Tân Yên;
- UBND xã X,
- huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thế Đăng

